

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Ông Nguyễn Anh Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M; địa chỉ: số 159, tổ 3, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H; đăng ký hộ khẩu thường trú: số 159, tổ 3, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 31 – K3 trại giam Thanh Phong – Nông Công – Thanh Hóa. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 07 tháng 10 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Minh trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 12 năm 2015. Sau khi hết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Mặt khác, anh H nghe lời người ngoài dẫn đến ghen tuông mù quáng rồi nhiều lần bạo lực gia đình đánh chị. Có lần, vào các ngày 17,18,19/3/2019 anh H còn nhốt chị và con gái ở trong nhà, đòi đốt bình xăng xe máy khiến chị và con hoảng sợ, phải cầu cứu hàng xóm. Điểm mâu thuẫn là ngày 01/4/2019, anh H về nhà mẹ đẻ của chị ở xóm 6, thôn Xuân Thọ, xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình rồi dùng dao gây thương tích cho chị, hậu quả làm chị bị giảm 15% sức khỏe và anh H đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Thái Bình tuyên phạt 03 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” (theo bản án số 60 ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Thái Bình). Từ khi mâu thuẫn xảy ra, đến khi anh H đi chấp hành án 03 năm tù giam tại Trại giam Thanh Phong – Nông Cống – Thanh Hóa đến nay, giữa chị và anh H không còn quan hệ với nhau về mọi mặt. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thực sự căng thẳng trầm, không đạt mục đích của hôn nhân, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 29/02/2016. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vì hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù nên không thể đảm nhận được việc nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai của anh Nguyễn Đức H gửi từ Trại giam Thanh Phong – Nông Cống – Thanh Hóa đã trình bày:

Anh và chị Phạm Thị M kết hôn vào ngày 22/12/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến khoảng giữa tháng 3 đầu tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh hay ghen nên dẫn đến có hành vi gây thương tích đối với chị M. Hậu quả là anh bị xử phạt 03 năm tù. Nay chị M xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn với chị M vì lý do anh vẫn còn tình cảm với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 29/02/2016. Anh không có ý kiến về việc nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh và chị M không có tài sản chung.

Theo kết quả xác minh: Chính quyền tại địa phương nơi chị M và anh H chung sống tại địa chỉ số 159, tổ 3, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng cung cấp như sau: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đằng hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H hay ghen tuông dẫn đến bạo lực gia đình, gây thương tích cho chị M và phải bị phạt tù, hiện anh H đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, Thanh Hóa. Nay chị M xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp Luật.

Về con chung: Chị M và anh h có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2016. Hiện cháu đang ở với chị M.

Về tài sản chung: Địa phương không biết.

Tại phiên Tòa, chị Phạm Thị M có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Đức H vắng mặt lần thứ 2 không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đức H;
- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 29 /02/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng;
- Về cấp dưỡng nuôi con : Chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;
- Về chia tài sản: Chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;
- Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Đức H; có nơi cư trú trước khi bị bắt tạm giam tại địa chỉ: Số 159, tổ 3, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Nguyễn Đức H, hiện đang chấp hành án tại: Đội 31 – K3 trại giam Thanh Phong – Nông Cống – Thanh Hóa, nhưng anh H không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cũng không có lý do nào khác, về phía chị M là nguyên đơn có “đơn đề nghị xét xử vắng mặt” nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 12 năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã trầm trọng, kéo dài, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H ghen tuông, bạo lực gia đình gây thương tích đối với chị M dẫn đến anh H phải chấp hành hình phạt 03 năm tù; vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H đã không còn tồn tại từ lâu. Quá trình giải quyết vụ án, chị M kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Việc anh H không đồng ý ly hôn với chị M chỉ là muốn níu kéo quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M không chấp nhận yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh H.

[4] Về nuôi con: Chị M và anh H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2016. Xét hiện nay anh H đang chấp hành hình phạt tù nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, chị M có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Minh. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí:

[6] Chị Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 **Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con: Giao con Phạm Minh T, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2016 cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con : Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn , người không trực tiếp nuôi con có quyền , nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở .

3. Về tài sản chung: Chị M và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm . Chị M đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An , thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0004568, ngày 12 tháng 10 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải,
Quận Hải An, Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Tuyền

